

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2022.
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Hoàng Tuyên.

Ông Võ Ánh Sứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2022, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2022 về việc: “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đức N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Tôi và anh Trần Đức N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2010. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Thời gian mâu thuẫn kéo dài đến nay tôi nhận thấy tình cảm không còn, hiện tôi và anh N cũng đã sống ly thân. Vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai người con chung là cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013. Theo nội dung đơn khởi kiện tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013; còn cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 thì tôi đồng ý giao cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Tuy nhiên, hiện tại tôi không có công việc và thu nhập ổn định nên tôi có nguyện vọng được giao hai cháu Trần Anh N và cháu Trần

Đức N cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đức N trình bày:* Tôi và cô Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện H vào năm 2010. Quá trình chung sống thì không xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, do cô N thường xuyên đi chơi ban đêm, về khuya, tôi có nhắc nhở cô N thì đến ngày 18/4/2022 cô N bỏ đi khỏi nhà, đến nay chưa trở về. Nay cô N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi không đồng ý, do vợ chồng tôi đang có hai con nhỏ, còn đi học nên nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của hai cháu.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai người con chung là cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013. Nếu cô N nhất quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu cô N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N; Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Đức N; Về con chung: Cần giao cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013 cho anh Trần Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng: Anh N không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Đức N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn anh Trần Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đức N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010 tại UBND xã Ea S, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị N thì chị N và anh N thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con, dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, hiện chị N và anh N đã sống ly thân. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N; Anh N không đồng ý ly hôn, cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của các con.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N và anh N sinh sống, quá trình mâu thuẫn chị N có báo với chính quyền địa phương để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, chính quyền địa phương cũng đã trao đổi, động viên nhưng chị N vẫn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và thực tế các bên đã sống ly thân. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh N có hai người con chung là cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013, hiện hai cháu đang ở với bố. Xét thấy, anh N có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, anh N cung cấp cho Tòa án bản lương; bảng kê khai tài sản chứng minh đủ khả năng, điều kiện nuôi con; chị N thừa nhận hiện chưa có công việc, thu nhập ổn định nên không thể đảm bảo điều kiện để chăm sóc hai cháu, nguyện vọng được giao cả hai cháu cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, mặc dù nguyện vọng của hai cháu được ở với mẹ, tuy nhiên để không gây ảnh hưởng việc học tập, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu thì cần giao hai cháu cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Đức N không yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Đức N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Anh N, sinh ngày 20/3/2006 và cháu Trần Đức N, sinh ngày 18/4/2013 cho anh Trần Đức N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Đức N không yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nên không đặt ra để giải quyết.

Chị Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0000818 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã E (Quyền số 01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy